

# NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XXI:

## Một số vấn đề và hướng phát triển

TS. NGUYỄN HỮU DŨNG

Viện trưởng Viện Khoa học Lao động và Xã hội  
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

*Nền kinh tế tri thức và xu hướng quốc tế hóa là 2 đặc trưng cơ bản của thế kỷ XXI. Bối cảnh đó đòi hỏi mỗi quốc gia cần có chính sách phát triển nguồn nhân lực (NNL) sao cho vừa phù hợp với điều kiện của mình, vừa bắt kịp với sự phát triển chung của thế giới. Trong bài viết của mình, tác giả đã phân tích một số yếu tố cơ bản tác động tới quá trình phát triển NNL, các xu hướng mang tính quy luật trong chuyển đổi cơ cấu NNL và đào tạo NNL, những yêu cầu cơ bản về phát triển NNL đầu thế kỷ XXI và từ đó đưa ra một số định hướng lớn trong việc đổi mới hệ thống đào tạo NNL ở nước ta.*

**C**hiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 đã xác định "NNL chất lượng cao là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH); là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững". Từ đó có thể thấy, phát triển NNL là giải pháp đột phá nhằm thực hiện thắng lợi chiến lược CNH, HĐH, rút ngắn và tạo ra bước phát triển mới của Việt Nam trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Tuy nhiên, phát triển NNL theo cách tiếp cận mới là phải đầu tư vào con người thông qua giáo dục, đào tạo nghề và chăm sóc sức khỏe... Đó chính là đầu tư cho phát triển để tạo ra vốn nhân lực - nguồn nội lực vô cùng quan trọng của đất nước. Theo Garry Becker<sup>(1)</sup> không có đầu tư nào mang lại nguồn lợi lớn như đầu tư vào NNL, đặc biệt là đầu tư cho giáo dục.

### 1. Các yếu tố tác động tới quá trình phát triển NNL đầu thế kỷ XXI.

Phát triển NNL trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI chịu sự tác động bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan với những nét mới đặc trưng khác với thế kỷ trước, đặc biệt là các yếu tố về khoa học và công nghệ (KH&CN); xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập; chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động; cơ chế thị trường...

#### a. Các yếu tố KH&CN.

Bước vào thế kỷ XXI, cuộc cách mạng KH&CN tiếp tục phát triển với những bước tiến nhảy vọt, trở thành động lực, đầu tàu của sự phát triển kinh tế - xã hội kéo theo những biến đổi đột biến, mạnh mẽ và sâu sắc trong đời sống vật chất và tinh thần của xã hội, đặc biệt đưa xã hội loài người chuyển sang một thời đại văn minh mới mà nền tảng của nó là tri thức. Cách mạng KH&CN làm cho nhiều ngành nghề cũ, truyền thống mất đi và cũng xuất hiện nhiều ngành nghề mới; cơ cấu ngành, nghề và tỷ trọng của nó trong các lĩnh vực kinh tế cũng thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ ngày càng tăng, có tính chất toàn cầu và chất lượng cao. Trong điều kiện mới, sự phát triển của một quốc gia phụ thuộc vào NNL (trí tuệ và tay nghề) là chủ yếu, thay vì dựa vào nguồn tài nguyên, vốn vật chất như trước đây. Song yêu cầu về chất lượng NNL ngày càng cao, do đó đào tạo lao động kỹ thuật để nâng cao chất lượng NNL là nhiệm vụ trọng tâm của đào tạo nghề. Lúc này, đòi

hỏi người lao động không chỉ có kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ cao, mà còn phải có nhiều kỹ năng khác nhau. Từ đó, vấn đề bức xúc đặt ra là phải đổi mới đào tạo nghề nghiệp từ chỗ chỉ nhằm tạo lập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp truyền thống sang cập nhật các kỹ năng mới, nhất là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; kỹ năng giải quyết và xử lý các vấn đề sự cố phát sinh của máy móc thiết bị công nghệ cao; kỹ năng làm việc theo nhóm, làm việc trong môi trường đa văn hóa... Việt Nam là nước đang phát triển ở trình độ thấp, nhưng yếu tố KH&CN đang tác động mạnh đến đào tạo NNL, nhất là khi chúng ta phát triển các ngành kinh tế quốc dân mũi nhọn, các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao, sản xuất các mặt hàng đạt tiêu chuẩn quốc tế và tham gia vào thị trường quốc tế.

#### b. Xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế khách quan. Toàn cầu hóa tạo nhiều cơ hội phát triển cho các quốc gia, nhưng cũng đưa đến không ít những thách thức. Trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế sẽ diễn ra sự cạnh tranh kinh tế giữa các quốc gia ngày càng quyết liệt hơn, đó là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh. Lúc này ưu thế cạnh tranh

nghe về các quốc gia có nền chính trị xã hội an toàn và ổn định, môi trường thể chế thuận lợi cho đầu tư và có NNL chất lượng cao.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế tác động mạnh đến phát triển NNL ở nước ta từ hai hướng cơ bản:

*Hướng thức nhất*, trong nỗ lực phấn đấu nâng cao năng lực cạnh tranh cấp sản phẩm, dịch vụ, cấp doanh nghiệp và quốc gia, NNL có vai trò rất quan trọng. Yêu cầu của hội nhập đòi hỏi chúng ta phải phát triển NNL trên cơ sở nâng cao chất lượng lao động, nhanh chóng đào tạo lao động kỹ thuật chất lượng cao theo chuẩn mực quốc gia và quốc tế, trong đó quan trọng nhất là các tiêu chuẩn về trình độ lành nghề cao; khả năng tiếp thu nhanh chóng, sáng tạo và làm chủ công nghệ; khả năng chuyển đổi nghề linh hoạt; tính chịu trách nhiệm; khả năng nắm bắt và giao tiếp với khách hàng; khả năng làm việc theo nhóm, làm việc trong môi trường văn hóa đa dân tộc, tôn giáo.

*Hướng thứ hai* tác động đến phát triển NNL là đáp ứng yêu cầu NNL trình độ cao của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam có nhiều cơ hội tạo việc làm mới ở các khu vực: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với công nghệ cao và khoa học quản lý hiện đại; doanh nghiệp sản xuất và gia công hàng xuất khẩu với công nghệ

<sup>(1)</sup> Nhà kinh tế học người Mỹ được giải thưởng Nobel năm 1992



sử dụng nhiều lao động mà Việt Nam có ưu thế (dệt may - da giày, thủ công mỹ nghệ, chế biến nông, lâm, thủy sản...); xuất khẩu lao động và chuyên gia.

**c. Tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xuất hiện các ngành, nghề mới, các khu vực kinh tế động lực.**

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010) của Đảng đã nêu rõ: Phát triển kinh tế, CNH, HĐH là nhiệm vụ trung tâm. Vấn đề quan trọng nhất trong nội dung CNH, HĐH là chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư, cùng với nó là chuyển dịch cơ cấu lao động. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH tác động đến phát triển NNL trên các mặt sau:

*Cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế* theo hướng chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa và áp dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao làm thay đổi cơ cấu giá trị các ngành trong GDP. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010) đã xác định: Đến năm 2010 tỷ trọng GDP của nông nghiệp là 16-17%, công nghiệp và xây dựng là 40-41%, dịch vụ là 42-43%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 50%, trong đó tỷ lệ người lao động được đào tạo nghề là khoảng 40%. Sự tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến cơ cấu lao động và đào tạo lao động kỹ thuật là sự tác động khách quan và ràng buộc lẫn nhau trong tổng thể kinh tế vĩ mô không thể tách rời, vừa là điều kiện, vừa là tiền đề của nhau.

*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo các ngành*, thực chất là chuyển từ nền kinh tế truyền thống ở trình độ thấp, dựa vào nông nghiệp là chủ yếu sang nền kinh tế hiện đại, trình độ cao, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ. Những ngành, nghề truyền thống không phù hợp sẽ dần mất đi, đồng thời xuất hiện nhiều ngành, nghề mới. Cơ cấu ngành nghề thay đổi tác động mạnh đến đào tạo NNL, số lao động đã được đào tạo theo ngành, nghề cũ cần được đào tạo lại, đào tạo bổ sung kỹ năng theo yêu cầu của ngành, nghề mới. Số lao động mới khi tham gia đào tạo sẽ được tiếp cận ngay với ngành, nghề mới mà thực tế lao động sản xuất đã xuất hiện và đang phát triển.

*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng* kéo theo cơ cấu lại lực lượng lao động theo vùng và đặt ra yêu cầu mới trong đào tạo NNL, nhất là đào tạo lao động kỹ thuật tại chỗ nhằm hạn chế dòng di chuyển lao động kỹ thuật giữa các vùng và chảy máu "chất xám". Yếu tố này tác động đến đào tạo NNL không chỉ về mặt nâng cao chất lượng đào tạo lao động kỹ thuật ở trình độ cao đáp ứng yêu cầu của công nghệ sản xuất hiện đại mà còn đặt ra yêu cầu phải quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo,

nhất là các trường trọng điểm có quy mô thích hợp ở các vùng để đáp ứng kịp thời, tạo chỗ nhu cầu về lao động kỹ thuật phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế các vùng.

**d. Tác động của kinh tế thị trường.**

Kinh tế thị trường là một trong những yếu tố quan trọng tác động mạnh đến phát triển NNL trên nhiều mặt, nhất là các mặt sau:

Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN phải trên cơ sở hình thành về cơ bản thể chế thị trường định hướng XHCN để tạo lập khung khổ pháp lý và tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường, trong đó có thị trường lao động. Cơ chế cạnh tranh của thị trường lao động sẽ tạo ra động lực khuyến khích người lao động học tập, học tập suốt đời, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt, nâng cao chất lượng lao động. Có thể nói, cơ chế thị trường tạo ra nhu cầu về đào tạo của chính người lao động. Đó là nhu cầu khách quan và không ngừng phát triển.

Trong kinh tế thị trường, dựa trên nền tảng kỹ thuật và công nghệ cao, xu hướng tiền lương tăng lên, dẫn đến việc lựa chọn sử dụng nhiều tư bản hơn lao động, tức là tăng cầu lao động kỹ thuật cao, giảm cầu lao động không có trình độ kỹ thuật. Đây cũng là yếu tố khách quan dẫn đến tăng nhu cầu đào tạo lao động kỹ thuật theo nhịp độ tương ứng của áp dụng công nghệ cao, nhất là trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao...

Thị trường lao động trong kinh tế thị trường là một thể thống nhất, không bị chia cắt về mặt hành chính dựa trên cơ sở tự do hóa trong lao động. Song có sự phân lớp khá đa dạng, phong phú. Mỗi một phân lớp thị trường lao động này có những điểm đặc thù khác nhau, thường xuyên biến động và dịch chuyển. Đặc điểm này tác động mạnh đến đào tạo NNL nhằm đảm bảo sự cân đối động cung - cầu lao động trên thị trường cân đối về cơ cấu lao động kỹ thuật theo cấp trình độ; cân đối về lao động kỹ thuật theo ngành, nghề của khu vực kết cấu; cân đối lao động kỹ thuật giữa nông thôn, thành thị, lao động kỹ thuật trẻ, giữa nam và nữ...).

Khi chuyển sang cơ chế thị trường, đào tạo NNL phải gắn với sử dụng, với yêu cầu của sản xuất và thị trường lao động. Người lao động được đào tạo có cơ hội tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm có thu nhập đảm bảo cuộc sống. Từ đó có thể thấy, đào tạo NNL theo định hướng cấu là sự thay đổi căn bản nhất của hệ thống đào tạo NNL nhằm đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động. Lúc này, hệ thống đào tạo NNL không đứng độc lập ngoài thị trường mà trở thành một trong những lực lượng (đối

tác) quan trọng tham gia thị trường lao động. Kinh tế thị trường tác động đến toàn bộ hệ thống đào tạo NNL còn biểu hiện ở sự đa dạng hóa, xã hội hóa sự nghiệp này. Xóa bỏ bao cấp trong đào tạo NNL là hướng cơ bản trong đổi mới cơ chế đào tạo NNL, có thể áp dụng các biện pháp thị trường trong đào tạo NNL, tiến tới từng bước hình thành thị trường đào tạo, song Nhà nước cần có chính sách xã hội trong đào tạo NNL để thực hiện nguyên tắc công bằng xã hội, nhất là đối với người nghèo, đối tượng thuộc diện chính sách xã hội, nhóm yếu thế...

**2. Xu hướng có tính quy luật của chuyển đổi cơ cấu NNL và đào tạo NNL trình độ cao.**

Sự chuyển đổi cơ cấu NNL bao giờ cũng gắn liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Đối với nước ta, từ nền kinh tế truyền thống dựa trên sản xuất nông nghiệp, tự cung tự cấp và nhiều năm vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, chuyển đổi sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN sẽ diễn ra một cuộc cách mạng trong phân công lại lao động trên phạm vi cả nước.

Xu hướng cơ bản có tính quy luật của chuyển dịch cơ cấu lao động ở nước ta là: Giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; tăng tỷ trọng lao động tham gia sản xuất sản phẩm hàng hóa cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu; giải phóng lao động ở các ngành có năng suất và giá trị lao động thấp, chuyển sang ngành có năng suất và giá trị lao động cao nhờ áp dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới, hiện đại; tăng tỷ trọng lao động trong các ngành, các lĩnh vực đòi hỏi lao động phải có trình độ học vấn ngày càng cao và lao động qua đào tạo, kể cả lao động chuyên môn và lao động kỹ thuật.

Trong ngành nông lâm nghiệp, thủy sản, tăng tỷ trọng lao động có trình độ công nghệ cao, giảm tỷ trọng lao động thuần túy, tạo cơ cấu lao động nông, lâm, ngư nghiệp đa ngành. Trong nông nghiệp, trên cơ sở đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, sẽ tăng tỷ trọng lao động chăn nuôi, giảm tỷ trọng lao động trồng trọt. Trong trồng trọt, giảm tỷ trọng độc canh lúa, tăng tỷ trọng phát triển các loại cây trồng có giá trị làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Trong công nghiệp, tăng lao động trong các ngành sản xuất các mặt hàng có khả năng cạnh tranh, đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đồng thời sẽ tăng mạnh lao động trong một số ngành sử dụng công nghệ cao, các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp nguyên liệu, vật liệu thay thế nhập khẩu.



Trong dịch vụ, tăng nhanh lao động trong thương nghiệp, nhất là thị trường trong nước, du lịch, vận tải, dịch vụ bưu chính, viễn thông, tin học, dịch vụ tài chính, ngân hàng, kiểm toán...

Cơ cấu lại lao động giữa các vùng, nhất là tăng lao động trong các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới; tiếp tục dòng di dân đến các vùng có tiềm năng đất đai; tăng mạnh dòng di dân từ các vùng nông thôn vào các đô thị để tìm kiếm việc làm, chuyển dịch mạnh lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp ở các vùng ven đô thị, thành phố lớn trong quá trình đô thị hóa nhanh; tiếp tục tăng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Lao động trong kinh tế hộ gia đình vẫn chiếm tỷ trọng lớn, song có xu hướng giảm dần; lao động trong kinh tế tập thể có xu hướng tăng; tỷ trọng lao động trong khu vực Nhà nước tăng chậm và giữ mức thấp; lao động khu vực ngoài Nhà nước có xu hướng tăng, nhất là trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, kinh tế trang trại...

Xu hướng chuyển dịch lao động trên đây có tính tiến bộ, dựa trên cơ sở giải phóng sức sản xuất, giải phóng sức lao động, phù hợp với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta. Quá trình đó diễn ra nhanh hay chậm còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, nhất là chính sách, thể chế vĩ mô của Nhà nước tạo điều kiện hoặc khuyến khích, cơ cấu đầu tư toàn xã hội; sự lựa chọn và áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao sử dụng nhiều vốn hay công nghệ sử dụng nhiều lao động; sự năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế (hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp...). Tuy nhiên, các xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động này sẽ định hướng và làm thay đổi cơ cấu lao động và đào tạo theo hướng phải đáp ứng được yêu cầu của sản xuất, của thị trường lao động về cơ cấu ngành nghề, quy mô, trình độ...

### **3. Những yêu cầu cơ bản về phát triển NNL đầu thế kỷ XXI.**

**a. Giải bài toán tổng thể về dân số.**  
Chiến lược phát triển NNL của một quốc gia bao giờ cũng phải bắt đầu từ bài toán dân số. Bởi vì, quy mô và chất lượng dân số, một mặt, phản ánh tiềm năng, sức mạnh về nguồn lực con người của một quốc gia, mặt khác, nó còn là mẫu số để xác định các chỉ tiêu phát triển khác của quốc gia đó. Đối với Việt Nam, bài toán dân số đặt ra là phải tiếp tục giảm tốc độ tăng dân số và nâng cao chất lượng dân số. Yêu cầu cơ bản đặt ra ở đây là: Quy

hoạch giáo dục và đào tạo phù hợp với cơ cấu lứa tuổi và nền kinh tế; tạo đủ công ăn việc làm cho nhóm dân số trong độ tuổi lao động; kiểm soát, điều tiết và quản lý hiệu quả sự di dân nông thôn - đô thị trong quá trình đô thị hóa; giải quyết tốt vấn đề người cao tuổi, nhất là ở độ tuổi 61-69 là độ tuổi có thể tham gia lao động; cải thiện các chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số phát triển giới (GDI), chỉ số nghèo đói của con người (HPI)...

### **b. Đảm bảo một cơ cấu lao động phù hợp với một cơ cấu kinh tế trong từng thời kỳ phát triển.**

Vấn đề ở đây đặt ra là phải xóa bỏ khoảng cách quá xa giữa cơ cấu lao động rất lạc hậu và cơ cấu kinh tế đang phát triển nhanh theo hướng CNH, HĐH và hội nhập, đi vào nền kinh tế tri thức. Cơ cấu đó phải được xem xét trên các phương diện:

- Căn cứ vào các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo vùng... để dự báo nhu cầu về lao động (số lượng, chất lượng và cơ cấu).

- Dựa trên quy hoạch phát triển các ngành, các vùng để xây dựng các quy hoạch phát triển thuộc lĩnh vực NNL (nhất là quy hoạch giáo dục, đào tạo nghề nghiệp, dịch vụ việc làm, thông tin thị trường lao động...).

- Đổi mới kế hoạch hóa lao động, việc làm theo định hướng cấu trúc lao động trên thị trường lao động.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn.

### **c. Tiếp tục giải phóng sức sản xuất, sức lao động đảm bảo phát huy tối đa nội lực NNL cho phát triển.**

Yêu cầu đặt ra ở đây là:

- Đảm bảo cho lao động thực sự được tự do (tự do trong phát triển nghề nghiệp, tự do thuê mướn lao động, liên doanh, liên kết, tự do di chuyển lao động và hành nghề...).

- Tạo động lực mới cả về vật chất và tinh thần cao cho phát triển phù hợp với từng loại đối tượng (nhà quản lý, chủ sử dụng lao động, nhà chuyên môn, đội ngũ lao động).

- Thực hiện bình đẳng trong các quan hệ lao động (tuyển dụng, trả công lao động, bảo hiểm xã hội, điều kiện và môi trường lao động...).

- Phát triển thị trường lao động định hướng XHCN, thống nhất, thông thoáng, không bị chia cắt về mặt hành chính.

### **d. Phát triển, phân bố và sử dụng NNL phải đáp ứng yêu cầu cơ bản là việc làm đầy đủ cho người lao động có khả năng lao động và có nhu cầu.** Tuy

nhiên, trong tương lai chúng ta phải hướng tới việc làm có hiệu quả, có năng suất và việc làm được tự do lựa chọn, tiến tới việc làm có tính nhân văn (Decent Work). Đó là xu hướng tất yếu và là yêu cầu ở trình độ cao về việc làm của nền kinh tế. Việc làm mang tính nhân văn là bước tiến mới trong nhận thức của cộng đồng quốc tế, như là một chiến lược toàn cầu về việc làm của thế kỷ XXI, đã được khởi xướng tại Diễn đàn việc làm thế giới (World Employment Forum) được tổ chức vào tháng 11/2001 tại Ginevra (Thụy Sĩ) và được các quốc gia nhiệt liệt hưởng ứng. Yêu cầu cơ bản của việc làm mang tính nhân văn là: Phải đạt được những nguyên tắc và quyền cơ bản ở nơi làm việc; tạo ra nhiều việc làm và các cơ hội thu nhập hơn nữa cho phụ nữ cũng như nam giới; mở rộng an sinh xã hội (Social Protection); và thúc đẩy đối thoại xã hội.

### **e. Bảo hiểm và Văn hóa an toàn là một trong những yêu cầu rất cơ bản của phát triển, phân bố và sử dụng NNL trong kinh tế thị trường.**

Yêu cầu cơ bản đặt ra ở đây là NNL, một mặt, phải được phát triển, phân bố và sử dụng tối đa, có hiệu quả, mặt khác, phải được bảo vệ, phải được an toàn, được che chắn bởi một hệ thống an sinh xã hội, bao gồm: Bảo hiểm xã hội (kể cả bảo hiểm thất nghiệp); thực hiện nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về điều kiện lao động và an toàn, vệ sinh môi trường; bảo trợ xã hội cho nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương trong cơ chế thị trường...

### **4. Định hướng về đào tạo NNL.**

Đào tạo NNL, nhất là NNL chất lượng cao là nền tảng, là quốc sách hàng đầu. Hệ thống đào tạo NNL (hệ thống giáo dục quốc dân) của Việt Nam hiện nay được hình thành theo lát cắt ngang, bao gồm: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục cao đẳng, đại học và sau đại học.

Vấn đề đặt ra ở đây là cần phải tiếp tục đổi mới hệ thống đào tạo NNL đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH và hội nhập theo một số định hướng sau:

### **a. Nhanh chóng hình thành hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành.**

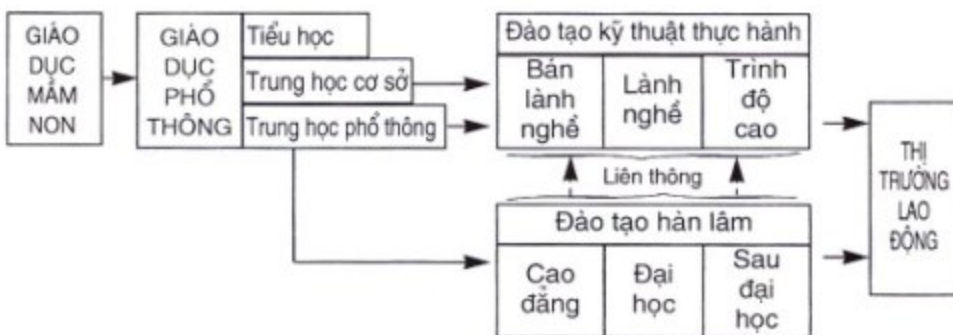
Hình thành hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành là một đòi hỏi tất yếu khách quan ở Việt Nam do yêu cầu phát triển của kinh tế - xã hội đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập.

Đặc điểm nổi bật của "hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành" thể hiện ở tính thực hành về kỹ thuật và nghề nghiệp, đòi hỏi phân nhánh bắt đầu từ bậc trung học cơ sở (xem sơ đồ trang 13).

Ưu điểm của hệ thống giáo dục quốc dân phân thành hai luồng theo lát cắt dọc này là:



## Hệ thống giáo dục quốc dân (theo lát cắt dọc)



- Tạo ra các phân hệ trong hệ thống giáo dục quốc dân có chức năng và nhiệm vụ rõ ràng. Hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành chủ yếu đào tạo lao động kỹ thuật ở các trình độ khác nhau tiến tới bao gồm cả cao đẳng và đại học công nghệ, kỹ thuật, nghiệp vụ theo hướng thực hành. Còn giáo dục cao đẳng, đại học và sau đại học (theo cách phân hệ hiện nay) đào tạo theo hướng hàn lâm (lao động quản lý, nghiên cứu khoa học, chuyên gia...).

- Có thể thực hiện được phân luồng học sinh sau bậc trung học cơ sở một cách triệt để một khi có hệ thống rõ ràng để định hướng nghề nghiệp cho học sinh; điều tiết được luồng học sinh đi vào trung học phổ thông và cao đẳng, đại học. Đối với một quốc gia thì cả hai phân hệ giáo dục này đều phải phát triển, nhưng xét về quy mô và tỷ trọng, hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành phải là **hệ thống lớn nhất và là con đường thăng tiến, rộng mở nhất** cho mọi người có nhu cầu, nhất là học sinh, thanh niên. Học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông nếu tiếp tục học, phần lớn đi vào hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành. Các trình độ đào tạo khác bao gồm liên thông giữa các trình độ thuộc hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành và liên thông với hệ thống giáo dục cao đẳng, đại học, sau đại học.

Hệ thống đào tạo kỹ thuật thực hành thực hiện các chương trình đào tạo lao động kỹ thuật theo các trình độ sau<sup>(2)</sup>: **Bản lành nghề**: Được trang bị một số kiến thức và kỹ năng nghề; **lành nghề**: Được trang bị một số kiến thức và kỹ năng nghề diện rộng hoặc chuyên sâu, có khả năng đảm nhận những công việc phức tạp; **trình độ cao**: Được trang bị kỹ năng nghề thành thạo và kiến thức chuyên môn kỹ thuật cần thiết trên nền học vấn trung học phổ thông hoặc trung học chuyên nghiệp để có khả năng vận hành các thiết bị hiện đại

và xử lý được các tình huống phức tạp, đa dạng trong các dây chuyền sản xuất tự động, công nghệ hiện đại.

### b. Đào tạo NNL theo định hướng cấu.

Về mặt phương pháp luận, đào tạo lao động theo định hướng cấu là sự gắn liền giữa đào tạo với cầu lao động trên thị trường lao động nhằm đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động để người lao động có nhiều cơ hội tìm việc làm trên thị trường lao động sau khi được đào tạo. Trong mối quan hệ này có các chủ thể cơ bản sau:

- **Nhà nước**: Là người xác lập khung khổ pháp lý cho thị trường lao động hoạt động bình đẳng, điều tiết và giám sát thị trường lao động hoạt động có lợi cho mục tiêu phát triển...

- **Người sử dụng lao động**: Đặt ra yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động cần tuyển phù hợp với thị trường.

- **Người lao động**: Được định hướng nghề nghiệp và đào tạo nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và có khả năng cạnh tranh trên thị trường để có cơ hội tìm việc làm.

- **Người đào tạo**: Tổ chức đào tạo nghề nghiệp cho người lao động phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

- **Nhà cung cấp dịch vụ việc làm**: Là cầu nối giữa cung và cầu lao động trên thị trường lao động.

Trong mỗi liên hệ gắn kết giữa đào tạo với sử dụng và giải quyết việc làm phải dựa trên cơ sở và xoay quanh trục trung tâm là "cầu lao động" trên thị trường lao động. Đào tạo ai, đào tạo nghề gì, cấp trình độ nào... phải do cầu lao động quyết định. Mọi sự thay đổi của cầu lao động về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động kỹ thuật trên thị trường lao động phải được nhận biết, phân tích, xem xét và điều chỉnh trong đào tạo nhân lực. Đây là sự thay đổi căn bản nhất trong đào tạo NNL của nền kinh tế hiện đại so với nền kinh tế truyền thống.

Đào tạo NNL theo định hướng cấu là một hệ thống thống nhất kết hợp giữa đào tạo và giải quyết việc làm, hệ thống này

bao gồm:

- Định hướng nghề nghiệp cho học sinh: Vấn đề này phải được cơ cấu từ các cấp học trong hệ thống giáo dục phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) nhằm phân luồng học sinh khi vào đào tạo nghề nghiệp.

- Đào tạo nghề nghiệp cho người lao động: Bao gồm đào tạo kỹ thuật thực hành (bản lành nghề, lành nghề, trình độ cao) và đào tạo chuyên nghiệp (cao đẳng, đại học, sau đại học). Vấn đề quan trọng ở đây là phải dựa trên cơ sở dự báo cầu của thị trường lao động để điều chỉnh quy mô, cơ cấu, nội dung, chương trình đào tạo...

- Hệ thống thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm: Đây là hệ thống làm cầu nối giữa cung và cầu lao động trên thị trường lao động.

### c. Vận dụng cơ chế thị trường trong đào tạo NNL.

Phương hướng vận dụng các biện pháp và cơ chế thị trường trong đào tạo NNL có thể như sau:

- Trong giáo dục phổ thông chủ yếu là thực hiện các biện pháp đẩy mạnh xã hội hóa để tạo thêm nguồn lực cho phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí cho mọi người.

- Đào tạo nghề nghiệp cho người lao động có thể áp dụng cơ chế thị trường ở mức độ khác nhau tùy thuộc vào cơ sở đào tạo là của Nhà nước, dân lập, tư thực hay đầu tư nước ngoài. Đối với cơ sở đào tạo của Nhà nước cần phải xác định đó là đơn vị sự nghiệp có thu hoặc không có thu và được Nhà nước hỗ trợ về kinh phí đào tạo một phần hoặc toàn bộ. Cơ sở đào tạo ngoài Nhà nước phải được xác định là đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo không vì mục tiêu lợi nhuận và được Nhà nước hỗ trợ ở mức độ cần thiết. Các cơ sở đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên kết với nước ngoài là đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo vì mục tiêu lợi nhuận nhưng phải có điều kiện do Nhà nước quy định.

- Đào tạo NNL trong cơ chế thị trường phải gắn chặt với phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm để nối cung và cầu lao động, nhiều người có cơ hội tìm việc làm.

- Nhà nước thực hiện chính sách khuyến khích đào tạo nhân tài, chuyên gia giỏi, lao động trình độ cao và thực hiện chính sách xã hội để hỗ trợ các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội, gia đình nghèo, đào tạo lại cho lao động mất việc, người thất nghiệp trong cơ chế thị trường, trước hết là chính sách học bổng, việc làm sau khi đào tạo.

Biên tập: Vũ Văn Hưng

<sup>(2)</sup> Theo Quyết định số 48/2002/QĐ-TTg ngày 11/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới trường dạy nghề giai đoạn 2002-2010